



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU  
HÀNG HẢI KHU VỰC IV**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực IV công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### Thông tin khái quát

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực IV (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Hoa tiêu Khu vực IV) theo Quyết định số 1778/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400396966 ngày 24/12/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần đây nhất vào ngày 03/11/2017), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 26.881.289.703 đồng

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 30 Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3886572 - 3893811
- Fax: (84) 0236.3887811

### Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng thuộc địa phận Thành phố Đà Nẵng và các Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế. Hỗ trợ, lai dắt tàu biển ra vào cảng. Dịch vụ đại lý tàu biển và đưa đón thuyền viên.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 62 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 15 người.

Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

- |                             |                |                          |
|-----------------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Lê Danh Hải           | Chủ tịch       | Bổ nhiệm ngày 17/10/2016 |
| • Ông Trần Thanh Nhung      | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 11/02/2011 |
| • Ông Đinh Xuân Vũ          | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 16/08/2011 |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | Kiểm soát viên | Bổ nhiệm ngày 26/12/2016 |
| • Bà Đoàn Thị Thanh Liên    | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 31/03/2011 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**TM Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Trần Thanh Nhung**

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2018



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 136/2018/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực IV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải Khu vực IV (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/02/2018 từ trang 4 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2018

**Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2018-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.907.818.075</b>	<b>29.288.323.222</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>22.131.329.523</b>	<b>15.611.768.062</b>
1. Tiền	111	6	2.431.329.523	4.611.768.062
2. Các khoản tương đương tiền	112	7	19.700.000.000	11.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.670.217.428</b>	<b>13.133.746.207</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8.a	2.248.047.037	10.466.974.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	4.880.603.873	1.662.977.865
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	541.566.518	1.003.793.493
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>106.271.124</b>	<b>41.455.255</b>
1. Hàng tồn kho	141		106.271.124	41.455.255
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>501.353.698</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	136.903.570
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	364.450.128
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.340.181.542</b>	<b>10.324.715.520</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.000.000</b>	<b>1.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		1.000.000	1.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.128.636.087</b>	<b>9.898.397.339</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.427.166.288	8.196.927.540
- Nguyên giá	222		17.059.980.252	17.059.980.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.632.813.964)	(8.863.052.712)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.701.469.799	1.701.469.799
- Nguyên giá	228		1.826.383.163	1.826.383.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124.913.364)	(124.913.364)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>210.545.455</b>	<b>210.545.455</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	210.545.455	210.545.455
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>214.772.726</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	214.772.726
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>39.247.999.617</b>	<b>39.613.038.742</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.728.377.855</b>	<b>8.275.458.621</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.728.377.855</b>	<b>8.275.458.621</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.289.620	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	417.914.797	4.687.390.090
4. Phải trả người lao động	314		3.167.057.846	2.182.345.227
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	125.369.837	272.582.698
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.016.745.755	1.133.140.606
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.519.621.762</b>	<b>31.337.580.121</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>32.519.621.762</b>	<b>31.337.580.121</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	27.061.603.931	27.061.603.931
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	17	1.126.241.442	1.126.241.442
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	4.331.776.389	3.149.734.748
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>39.247.999.617</b>	<b>39.613.038.742</b>

Giám đốc



Trần Thanh Nhung

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thanh Liên

Người lập biểu

Đoàn Thị Thanh Liên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	36.423.256.833	28.815.437.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		36.423.256.833	28.815.437.136
4. Giá vốn hàng bán	11	19	19.718.543.224	17.618.533.941
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.704.713.609</b>	<b>11.196.903.195</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	696.822.508	399.769.000
7. Chi phí tài chính	22	21	6.929.055	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	10.538.388.838	8.304.105.555
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>6.856.218.224</b>	<b>3.292.566.640</b>
11. Thu nhập khác	31	23	59.147.549	7.111.144.300
12. Chi phí khác	32	24	13.619.809	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>45.527.740</b>	<b>7.111.144.300</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.901.745.964</b>	<b>10.403.710.940</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.389.473.155	2.120.031.575
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>5.512.272.809</b>	<b>8.283.679.365</b>



Trần Thanh Nhung

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thanh Liên

Người lập biểu

Đoàn Thị Thanh Liên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		44.642.184.645	25.670.591.175
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(8.778.479.138)	(8.308.013.611)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.796.302.564)	(17.507.352.701)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	15	(872.157.147)	(2.434.026.173)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.147.127.390	4.953.312.192
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.217.384.436)	(7.538.403.925)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.124.988.750</b>	<b>(5.163.893.043)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(3.181.830.908)	(1.662.977.865)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	7.315.955.109
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,20	576.403.619	412.441.222
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.605.427.289)</b>	<b>6.065.418.466</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>6.519.561.461</b>	<b>901.525.423</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6,7	15.611.768.062	14.710.242.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6,7</b>	<b>22.131.329.523</b>	<b>15.611.768.062</b>

Giám đốc



Trần Thanh Nhung

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thanh Liên

Người lập biểu

Đoàn Thị Thanh Liên